

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2016 - 2017

Học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: LC1202

Giờ thi, ngày thi: 07h00', 28/7/2017

Khối lớp: ĐH, CĐ

Hình thức thi: Tự luận

STT	Lớp tuyển sinh	Số SV	Nhóm	Số phòng	Tên phòng thi
Cơ sở Việt Trì					
1	1311D11A (K11 ĐH Quản trị Kinh doanh A - 2013 - 2017)	1	1	01	N121
2	1311D15A (K11 ĐH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017)	1			
3	1311D17A (K11 ĐH Việt Nam học A - 2013 - 2017)	1			
4	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	1			
5	1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1			
6	1311D51A (K11 ĐH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	2			
7	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	5			
8	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	1			
9	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1			
10	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)	2			
11	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	1			
12	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1			
13	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			
14	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1			
15	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	3			
16	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1			
17	1412D83A (K1 ĐH Công tác xã hội)	1			
18	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1			
19	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	10		01	N122
20	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	4			
21	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	1			
22	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	1			
23	1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	2			
24	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	8			
25	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	1		01	N123
26	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	3			

27	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	3	1	01	N123
28	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	20			
29	1210D12A (K10 ĐH Khoa học cây trồng A - 2012 - 2016)	1	2	01	N131
30	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	2			
31	1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)	2			
32	1311D10C (K11 ĐH Kế toán C - 2013 - 2017)	1			
33	1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	1			
34	1311D41A (K11 ĐH Công nghệ KT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017)	1			
35	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	2			
36	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	2			
37	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	1			
38	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	4			
39	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1			
40	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	2			
41	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2			
42	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)02	1			
43	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1			
44	1412D60A (K12 ĐHSP Âm nhạc - 2014 - 2018)	1			
45	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	5		01	N132
46	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1			
47	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	1			
48	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	5			
49	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD CD))	4			
50	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	1			
51	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	3			
52	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	1			
53	1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)	7			
54	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2			
55	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1		01	N133
56	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	4			
57	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
58	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	10			
59	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	2			
60	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	1			
61	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1			
62	1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	3			
63	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	2			
64	1311D01A (K11 ĐHSP Toán học A - 2013 - 2017)	1	3	01	N134
65	1311D06A (K11 ĐHSP Địa lý A - 2013 - 2017)	1			

66	1311D15A (K11 ĐH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017)	1	3	01	N134
67	1311D51A (K11 ĐH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	1			
68	1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	2			
69	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
70	1412C04A (K12 CĐSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)	1			
71	1412C15A (K12 CĐ Công nghệ thông tin - 2014 - 2017)	1			
72	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	2			
73	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)	1			
74	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	1			
75	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	5			
76	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	1			
77	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	1		01	N141
78	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	1			
79	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	1			
80	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	6			
81	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	5			
82	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	1			
83	1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)	1			
84	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	9			
85	1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	2			
86	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1			
87	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	6			
88	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	3			
89	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	1			
90	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	1			
91	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
92	1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	1	4	01	N142
93	1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	2			
94	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1			
95	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	2			
96	1311C15A (K11 CĐ Công nghệ thông tin A - 2013 - 2016)	1			
97	1311D01A (K11 ĐHSP Toán học A - 2013 - 2017)	1			
98	1311D15A (K11 ĐH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017)	1			
99	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	4			
100	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1			
101	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			
102	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	4			
103	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1			
104	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	2			

105	1412D41A (K12 ĐH Công nghệ Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	6	4	01	N142
106	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	1			
107	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	1			
108	1513C15A (K13 CĐ Công nghệ thông tin)	1		01	N143
109	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	20			
110	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	1			
111	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	6		01	N144
112	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	1			
113	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	4			
114	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	5			
115	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	7			
116	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	8			
117	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	2	5	01	N221
118	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1			
119	1311D10C (K11 ĐH Kế toán C - 2013 - 2017)	1			
120	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	1			
121	1311D50A (K11 ĐH Kinh tế Nông nghiệp A - 2013 - 2017)	1			
122	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
123	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1			
124	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	3			
125	1412D17A (K12 ĐH Việt Nam học - 2014 - 2018)	5			
126	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			
127	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1			
128	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	2			
129	1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	1			
130	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	1			
131	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	4		01	N232
132	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	1			
133	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1			
134	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	5			
135	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	5			
136	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	6			
137	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	2			
138	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	1			
139	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	2			
140	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
141	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	6		01	N233
142	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	3			
143	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	2			

144	1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1	5	01	N233
145	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	6			
146	1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)	1			
147	1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	3			
148	1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)	1			
Cơ sở Phú Thọ					
1	1210D70A (K10 ĐH Giáo dục thể chất A - 2012 - 2016)	2	6	01	A6102
2	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
3	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	1			
4	1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	1			
5	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	6			
6	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	1			
7	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1			
8	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	14		01	A6103
9	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	14			
10	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	2			
11	1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1			
12	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	2			
13	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	1			
14	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	1			
15	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	6			
16	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	1			
17	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	15			
18	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	4		01	A6104
19	1614D03B (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	2			
20	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	4			
21	1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1	7	01	A6105
22	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1			
23	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
24	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	3			
25	1412C09A (K12 CĐ Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)	3			
26	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	2			
27	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	2			
28	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	3			
29	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	11			
30	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	22			
31	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	1		01	A6106
32	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	1			
33	1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	7	7	01	A6107

34	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	3	7	01	A6107
35	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	6			
36	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1			
37	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	5			
38	1614D03T (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1			
Tổng cộng:		258 SV		20 phòng	

Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

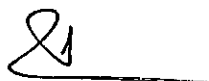
NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thành Trung

TRUNG TÂM ĐBCL

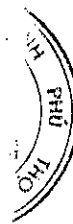
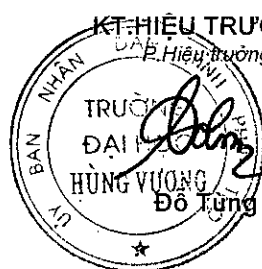
P. Giám đốc



Nguyễn Văn Nghĩa

KT. HIỆU TRƯỞNG

P. Hiệu trưởng



LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2016 - 2017

Học phần: Những NLCB của CN Mác - Lênin 1

Mã môn học: LC1325

Giờ thi, ngày thi: 07h00', 01/8/2017

Khối lớp: ĐH, CĐ

Hình thức thi: Tự luận

STT	Lớp tuyển sinh	Số SV	Số phòng	Tên phòng thi
Cơ sở Việt Trì				
1	1412D41A (K12 ĐH CN Kỹ thuật điện, điện tử - 2014 - 2018)	01	25	N121
2	1513C15A (K13 CĐ Công nghệ thông tin)	01		
3	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	02		
4	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	02		
5	1513D42A (K13 ĐH Công nghệ kỹ thuật cơ khí)	02		
6	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	04		
7	1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	05		
8	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	01		
9	1210D11A (K10 ĐH Quản trị kinh doanh A - 2012 - 2016)	01		
10	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	05		
11	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	01	28	N122
12	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	06		
13	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	01		
14	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	21	29	N123
15	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	20		
16	1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh doanh)	09	27	N131
17	1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)	10		
18	1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	10		
19	1614D50A (K14 ĐH Kinh tế nông nghiệp)	04		
20	1614D51A (K14 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư))	02		
21	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	01	24	N132
22	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	04		
23	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	02		
24	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	10		
25	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	04		
26	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	04		



27	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	23	27	N133
28	1210D04A (K10 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	01		
29	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	03		
30	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	21	29	N134
31	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	02		
32	1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)	06		
33	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	10	27	N141
34	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	06		
35	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	06		
36	1614D23A (K14 ĐH Sư phạm Sinh học)	01		
37	1614D24A (K14 ĐH Sư phạm Hóa học)	02		
38	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	02		
39	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	03	29	N142
40	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	07		
41	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	03		
42	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	01		
43	1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)	15		
44	1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)	03	29	N143
45	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	02		
46	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&CD) A - 2014 - 2018)	01		
47	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	05		
48	1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	18		
49	1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	09	29	N144
50	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	03		
51	1614D09A (K14 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&CD))	05		
52	1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	03		
53	1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	09		
Cộng:		303		11 phòng
Cơ sở Phú Thọ				
1	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	06	23	A6102
2	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	01		
3	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	05		
4	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	01		
5	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	10	26	A6103
6	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	10		
7	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	06		
8	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	10		
9	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	20	27	A6104
10	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	07		

DẠY
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 HÙNG VĨ

24

11	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	02	23	A6105
12	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	09		
13	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	11		
14	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	01		
15	1614D03B (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	12	22	A6106
16	1614D05B (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	09		
17	1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	01		
Cộng:		121 SV		05 phòng
Tổng cộng:		424 SV		16 phòng

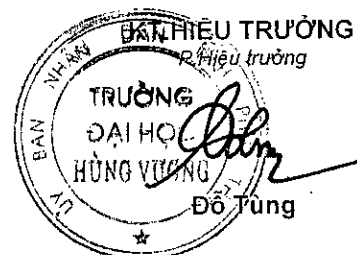
Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thành Trung

TRUNG TÂM ĐBCL
P. Giám đốc


Nguyễn Văn Nghĩa



LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2016 - 2017

Học phần: Đường lối CM của Đảng CSVN

Mã môn học: LC1303; Khối lớp: ĐH, CĐ

Hình thức thi: Trắc nghiệm



STT	Lớp tuyển sinh	Số SV	Nhóm	Ngày, giờ thi	Tên phòng thi
Cơ sở Việt Trì					
1	1311D13A (K11 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) A - 2013 - 2017)	2	1	07h15' 04/8/2017	HDH405
2	1311D15A (K11 ĐH Công nghệ thông tin A - 2013 - 2017)	1			
3	1311D24A (K11 ĐHSP Hoá học A - 2013 - 2017)	1			
4	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1			
5	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	5			
6	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)	18			
7	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	2		07h15' 04/8/2017	HDH404
8	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	2			
9	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	2			
10	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	1			
11	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1			
12	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	1			
13	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2			
14	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	5			
15	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1			
16	1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	2			
17	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	1			
18	1412D83A (K10 ĐH Công tác xã hội)	1			
19	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	1		07h15' 04/8/2017	HDH402
20	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1			
21	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	6			
22	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	3			
23	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	2			
24	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	1			
25	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	3			
26	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	9			
27	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	4			
28	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	1			

2

29	1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	3	3	07h15' 04/8/2017	HDH407
30	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
31	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1			
32	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1			
33	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1			
34	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)	1			
35	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1			
36	1412D13A (K12 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y) - 2014 - 2018)	1			
37	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1			
38	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	2			
39	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			
40	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1			
41	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	5			
42	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	5		09h15' 04/8/2017	HDH402
43	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1			
44	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	14			
45	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	3			
46	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	2			
47	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	1			
48	1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)	1			
49	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	5			
50	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	2			
51	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	19			
52	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	1		09h15' 04/8/2017	HDH404
53	1513D83A (K11 ĐH Công tác xã hội)	6			
54	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	2	4	09h15' 04/8/2017	HDH405
55	1311C15A (K11 CĐ Công nghệ thông tin A - 2013 - 2016)	1			
56	1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	1			
57	1311D30A (K11 ĐH Thú y A - 2013 - 2017)	1			
58	1311D51A (K11 ĐH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	3			
59	1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	1			
60	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
61	1412C04A (K12 CĐSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)	1			
62	1412C15A (K12 CĐ Công nghệ thông tin - 2014 - 2017)	3			
63	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	1			
64	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	1			
65	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	2			
66	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	1			
67	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	3			
68	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			

69	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2		09h15' 04/8/2017	HDH407
70	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	1			
71	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	1			
72	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
73	1513D12A (K13 ĐH Khoa học cây trồng)	1			
74	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	2			
75	1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	3		09h15' 04/8/2017	HDH408
76	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	1			
77	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	5			
78	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
79	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	3			
80	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
81	1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	2		09h15' 04/8/2017	HDH408
82	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	14			
83	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	9			
84	1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
85	1311C15A (K11 CĐ Công nghệ thông tin A - 2013 - 2016)	1			
86	1311D06A (K11 ĐHSP Địa lý A - 2013 - 2017)	2			
87	1311D16A (K11 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2013 - 2017)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
88	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	1			
89	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	1			
90	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
91	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD CD) A - 2014 - 2018)	2			
92	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	7			
93	1412D11A (K12 ĐH Quản trị kinh doanh - 2014 - 2018)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
94	1412D15A (K12 ĐH Công nghệ thông tin - 2014 - 2018)	2			
95	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	1			
96	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
97	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	3			
98	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	5			
99	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	1		09h15' 04/8/2017	HDH408
100	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	4			
101	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	1			
102	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	3		09h15' 04/8/2017	HDH408
103	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	1			
104	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	1			
105	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	2		09h15' 04/8/2017	HDH408
106	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	8			
107	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2			

108	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	3		13h15' 04/8/2017	HDH405
109	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
110	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1			
111	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	15			
112	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	7	6	13h15' 04/8/2017	HDH407
113	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	1			
114	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1			
115	1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)	1			
116	1311D17A (K11 ĐH Việt Nam học A - 2013 - 2017)	2			
117	1311D41A (K11 ĐH CNKT Điện - Điện tử A - 2013 - 2017)	1			
118	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1			
119	1412C03A (K12 CĐSP Địa lý (Địa - GDGD) - 2014 - 2017)	2			
120	1412C04A (K12 CĐSP Tiếng Anh - 2014 - 2017)	1			
121	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	1			
122	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	6			
123	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	2			
124	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	3			
125	1412D24A (K12 ĐHSP Hóa học - 2014 - 2018)	1			
126	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	1			
127	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	1			
128	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	2		13h15' 04/8/2017	HDH408
129	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	4			
130	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	1			
131	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	1			
132	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	1			
133	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	2			
134	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	1			
135	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	4			
136	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	1			
137	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1			
138	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	3			
139	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	2			
140	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	2			
141	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	2			
142	1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	3			
Cộng:		365 SV			14 phòng

Cơ sở Phú Thọ				
1	1311D03A (K11 ĐH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)	1	02	07h15' 04/8/2017
2	1311D10A (K11 ĐH Kế toán A - 2013 - 2017)	1		
3	1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	1		
4	1412C01A (K12 CĐSP Toán học (Toán - Tin) - 2014 - 2017)	1		
5	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	4		
6	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	2		
7	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	6		
8	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	2		
9	1412D70A (K12 ĐH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)	8		07h15' 04/8/2017
10	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	2		
11	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	5		
12	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	2		
13	1513D03T (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))	1		
14	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	1		
15	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	2		
Cộng:		39 SV		02 phòng
Tổng cộng:		404 SV		16 phòng

Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU



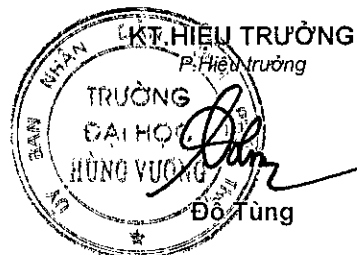
Nguyễn Thành Trung

TRUNG TÂM ĐBCL

P. Giám đốc



Nguyễn Văn Nghĩa



LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2016 - 2017

Học phần: Pháp luật đại cương

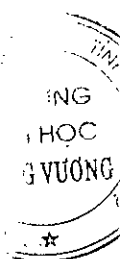
Mã môn học: LC1207; Khối lớp: ĐH, CĐ

Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Lớp tuyển sinh	Số SV	Ngày, giờ thi	Tên phòng thi
Cơ sở Việt Trì				
1	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	02	07h15' 05/8/2017	HDH404
2	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	01		
3	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	09		
4	1614D41A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật Điện, điện tử)	04		
5	1210D11A (K10 ĐH Quản trị kinh doanh A - 2012 - 2016)	01		
6	1210D16A (K10 ĐH Tài chính - Ngân hàng A - 2012 - 2016)	01		
7	1311D10B (K11 ĐH Kế toán B - 2013 - 2017)	01		
8	1311D10C (K11 ĐH Kế toán C - 2013 - 2017)	01		
9	1311D51A (K11 ĐH Kinh tế (Kinh tế Đầu tư) A - 2013 - 2017)	01		
10	1412D50A (K12 ĐH Kinh tế Nông nghiệp - 2014 - 2018)	01		
11	1412D51A (K12 ĐH Kinh tế (Kinh tế đầu tư) - 2014 - 2018)	01		
12	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	02		
13	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	08	07h15' 05/8/2017	HDH405
14	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	18		
15	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	19	07h15' 05/8/2017	HDH402
16	1614D10A (K14 ĐH Kế toán A)	08		
17	1513D16A (K13 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	01	07h15' 05/8/2017	HDH407
18	1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)	03		
19	1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh doanh)	02		
20	1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	02		
21	1311D12A (K11 ĐH Khoa học Cây trồng A - 2013 - 2017)	01		
22	1412D12A (K12 ĐH Khoa học cây trồng - 2014 - 2018)	02		
23	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	03		
24	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	05		
25	1614D12A (K14 ĐH Khoa học cây trồng)	03		
26	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	03		



27	1614D30A (K14 ĐH Thú y)	02	09h15' 05/8/2017	HDH402
28	1311D04A (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2013 - 2017)	01		
29	1311D04B (K11 ĐH Ngôn ngữ Anh B - 2013 - 2017)	02		
30	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	22	09h15' 05/8/2017	HDH404
31	1412D04A (K12 ĐH Ngôn ngữ Anh - 2014 - 2018)	22		
32	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	05		
33	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	12	09h15' 05/8/2017	HDH405
34	1513D04A (K13 ĐH Ngôn ngữ Anh)	08		
35	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	07		
36	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	15	09h15' 05/8/2017	HDH407
37	1614D04A (K14 ĐH Ngôn ngữ Anh)	10		
38	1614D18A (K14 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	23		
39	1614D28A (K14 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	04	13h15' 05/8/2017	HDH402
40	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	01		
41	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	20		
42	1614D83A (K14 ĐH Công tác xã hội)	05	13h15' 05/8/2017	HDH404
43	1513D23A (K13 ĐH Sư phạm Sinh học)	01		
44	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	07		
45	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	02	13h15' 05/8/2017	HDH405
46	1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)	08		
47	1311D80A (K11 ĐH Hướng dẫn viên du lịch A - 2013 - 2017)	01		
48	1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)	04	13h15' 05/8/2017	HDH407
49	1614D40T (K14 ĐH Sư phạm Vật lý (Liên thông))	06		
50	1614D02A (K14 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	11		
51	1614D06A (K14 ĐH Sư phạm Địa lý)	04	13h15' 05/8/2017	HDH404
52	1412D80A (K12 ĐH Hướng dẫn viên du lịch - 2014 - 2018)	04		
53	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	24		
54	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	07	15h15' 05/8/2017	HDH405
55	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	04		
56	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	04		
57	1614D81A (K14 ĐH Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành)	03		
58	1412D05A (K12 ĐH giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	04		
59	1513D01T (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Liên thông))	01		
Cộng:		357 SV		14 phòng
Cơ sở Phú Thọ				
1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	02	07h15' 05/8/2017	A8203
2	1513D70T (K13 ĐH Giáo dục thể chất (Liên thông))	01		
3	1614D70A (K14 ĐH Giáo dục Thể chất)	01		
4	1311D60A (K11 ĐHSP Âm nhạc A - 2013 - 2017)	01		



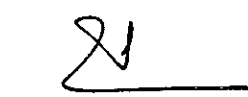
5	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	05	07h15' 05/8/2017	A8203
6	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	01		
7	1614D60A (K14 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	02		
8	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	12	07h15' 05/8/2017	A8204
9	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	24		
10	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	10		
11	1513C09A (K13 CĐ Giáo dục Tiểu học)	10	09h15' 05/8/2017	A8203
12	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	05		
13	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	13		
14	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	08	09h15' 05/8/2017	A8204
15	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	02		
16	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	08		
17	1614C09A (K14 CĐ Giáo dục Tiểu học)	08	13h15' 05/8/2017	A8203
18	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	02		
19	1412D05A (K12 ĐH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)	02		
20	1614D05B (K14 ĐH Giáo dục Mầm non B)	13	13h15' 05/8/2017	A8204
Cộng:		130		
Tổng cộng:		487 SV		
				6 phòng
				20 phòng

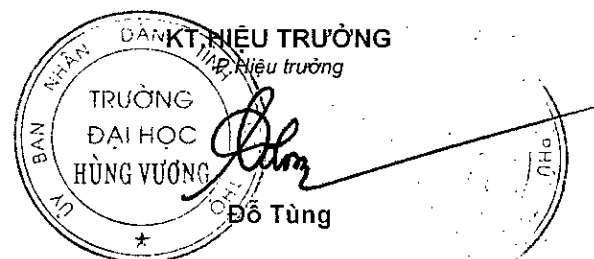
Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017.

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Thành Trung

TRUNG TÂM ĐBCL
P. Giám đốc


Nguyễn Văn Nghĩa



LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ 3 - Năm học 2016 - 2017

Học phần: Những NLCB của CN Mác - Lênin 2

Mã môn học: LC1326

Khối lớp: ĐH, CĐ

Hình thức thi: Trắc nghiệm

Cơ sở Việt Trì

STT	Lớp tuyển sinh	Số SV	Ngày, giờ thi	Tên phòng thi
Cơ sở Việt Trì				
1	1513C15A (K13 CĐ Công nghệ thông tin)	01	07h15' 06/8/2017	HDH402
2	1513D15A (K13 ĐH Công nghệ thông tin)	06		
3	1513D41A (K13 ĐH Công nghệ KT Điện, điện tử)	04		
4	1614D15A (K14 ĐH Công nghệ thông tin)	03		
5	1614D42A (K14 ĐH Công nghệ Kỹ thuật cơ khí)	03		
6	1210D11A (K10 ĐH Quản trị kinh doanh A - 2012 - 2016)	01		
7	1311D10C (K11 ĐH Kế toán C - 2013 - 2017)	01		
8	1412D10A (K12 ĐH Kế toán - 2014 - 2018)	02		
9	1412D16A (K12 ĐH Tài chính - Ngân hàng - 2014 - 2018)	01		
10	1513D10A (K13 ĐH Kế toán A)	05		
11	1513D10B (K13 ĐH Kế toán B)	03	07h15' 06/8/2017	HDH404
12	1513D11A (K13 ĐH Quản trị kinh doanh)	01		
13	1614D10B (K14 ĐH Kế toán B)	05		
14	1614D11A (K14 ĐH Quản trị kinh doanh)	04		
15	1614D16A (K14 ĐH Tài chính - Ngân hàng)	03		
16	1412D30A (K12 ĐH Thú y - 2014 - 2019)	01		
17	1513D13A (K13 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	04		
18	1513D30A (K13 ĐH Thú y)	04		
19	1614D13A (K14 ĐH Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y))	01		
20	1210D04A (K10 ĐH Ngôn ngữ Anh A - 2012 - 2016)	01		

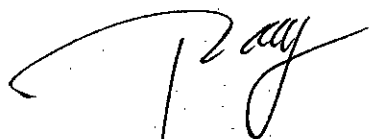


21	1412D28A (K12 ĐHSP Tiếng Anh - 2014 - 2018)	03	07h15' 06/8/2017	HDH405
22	1513C04A (K13 CĐ Sư phạm Tiếng Anh)	01		
23	1513D18A (K13 ĐH Ngôn ngữ Trung Quốc)	07		
24	1513D28A (K13 ĐH Sư phạm Tiếng Anh)	16		
25	1412D83A (K12 ĐH Công tác xã hội)	01	07h15' 06/8/2017	HDH407
26	1513D83A (K13 ĐH Công tác xã hội)	17		
27	1412D23A (K12 ĐHSP Sinh học - 2014 - 2018)	06		
28	1513D24A (K13 ĐH Sư phạm Hóa học)	02		
29	1513D01A (K13 ĐH Sư phạm Toán học)	30	09h15' 06/8/2017	HDH402
30	1412D01A (K12 ĐHSP Toán học - 2014 - 2018)	02	09h15' 06/8/2017	HDH404
31	1412D40A (K12 ĐHSP Vật lý - 2014 - 2018)	02		
32	1513D08A (K13 ĐH Sư phạm Toán học (Toán - Lý))	08		
33	1513D40A (K13 ĐH Sư phạm Vật lý)	02		
34	1614D01A (K14 ĐH Sư phạm Toán học)	03		
35	1614D40A (K14 ĐH Sư phạm Vật lý)	01		
36	1412D06A (K12 ĐHSP Địa lý - 2014 - 2018)	02		
37	1412D09A (K12 ĐHSP Lịch sử (Sử - GD&ĐT) A - 2014 - 2018)	03		
38	1412D81A (K12 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành - 2014 - 2018)	01		
39	1513D02A (K13 ĐH Sư phạm Ngữ văn)	21	09h15' 06/8/2017	HDH405
40	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	20	09h15' 06/8/2017	HDH407
41	1513D09A (K13 ĐH Sư phạm Lịch sử (Sử - GD&ĐT))	12	09h15' 06/8/2017	HDH408
42	1513D17A (K13 ĐH Việt Nam học)	01		
43	1513D80A (K13 ĐH Hướng dẫn viên du lịch)	02		
44	1513D81A (K13 ĐH Quản trị DV Du lịch & Lữ hành)	06		
Cộng:		223 SV		9 phòng
Cơ sở Phú Thọ				
1	1513D70A (K13 ĐH Giáo dục thể chất)	06	07h15' 06/8/2017	A8203
2	1412C08A (K12 CĐ Giáo dục Mầm non - 2014 - 2017)	01		
3	1412D03A (K12 ĐH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)	10		
4	1513C08A (K13 CĐ Giáo dục Mầm non)	28	07h15' 06/8/2017	A8204
5	1513D03A (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	17	09h15' 06/8/2017	A8203
6	1614C08A (K14 CĐ Giáo dục Mầm non)	03		
7	1614D03A (K14 ĐH Giáo dục Tiểu học A)	01		
8	1513D03B (K13 ĐH Giáo dục Tiểu học B)	16	09h15' 06/8/2017	A8204
9	1513D05B (K13 ĐH Giáo dục Mầm non B)	07		

10	1513D05A (K13 ĐH Giáo dục Mầm non A)	12	13h15' 06/8/2017	A8203
11	1614D05A (K14 ĐH Giáo dục Mầm non A)	03		
12	1513D60A (K13 ĐH Sư phạm Âm nhạc)	04		
13	1513D61A (K13 ĐH Sư phạm Mỹ thuật)	01		
Cộng:		109 SV		5 phòng
Tổng cộng:		332 SV		14 phòng

Phủ Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017

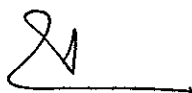
NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thành Trung

TRUNG TÂM ĐBCL

P. Giám đốc



Nguyễn Văn Nghĩa

